TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc

Bản án số: 44/2019/ HNGĐ-ST
Ngày 03-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Công Bằng

-*Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Trước

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 89/ 2019/ TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019, về việc " Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc Thị Băng C, sinh năm: 1993.
Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện H, tỉnh L.

2.Bị đơn: Anh Lê Thành T, sinh năm: 1993
Địa chỉ: ấp B, xã Q, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Thị Băng C trình bày:

Vào năm 2009 qua quen biết chị và anh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Q, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/12/2012. Sau khi cưới anh chị sống cùng gia đình anh T, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng thì anh T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu với bạn bè về nhà kiếm chuyện hành hung, gia đình chồng có khuyên nhưng anh T không nghe. Do không thể chịu đựng được nên chị đã về nhà mẹ ruột ở, anh T có kêu chị về và hứa thay đổi nhưng

về được vài ngày thì vẫn tiếp diễn như cũ Từ năm 2014 đến nay chị sống ly thân với anh T. Tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Kim T, sinh ngày 16/8/2010 hiện đang sinh sống với chị và Lê Thành L, sinh ngày 30/3/2012 đang sinh sống với anh T. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu T giao cháu L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

-Bị đơn anh Lê Thành T vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Cháu Lê Thị Kim T và Lê Thành L trình bày: Hai cháu là con ruột của chị C và anh T. Khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu L là được tiếp tục sống chung với anh T, nguyện vọng của cháu T sống cùng chị C.

-Ý kiến của chị C tại phiên tòa: Chị C vẫn bảo lưu yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, giao cháu L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về quan hệ hôn nhân: chị C và anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyển 01 ngày 24 tháng 12 năm 2012. Do đó hôn nhân của chị C và anh T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo chị C trình bày trong thời gian chung sống do anh T không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt lại còn kiếm chuyện hành hung chị làm cho tình cảm của anh chị có những bất đồng không giải quyết được, chị và gia đình đã khuyên anh T nhiều lần nhưng anh không thay đổi làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị sống ly thân từ năm 2014 đến nay.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã tiến hành hòa giải 02 lần để tạo điều kiện cho 02 bên được đoàn tụ. Nhưng anh T vắng mặt và cũng không có bản khai ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị C xem như anh T đã từ bỏ quyền được đoàn tụ với chị C.

Xét, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện. Mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau chung sống, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, lo cho hạnh phúc gia đình. Nhưng mâu thuẫn của chị C và anh T đã đến mức trầm trọng không

thể hàn gắn được. Do đó việc chị C yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Cháu T hiện chung sống với chị C, cháu L chung sống với anh T. Nguyện vọng của cháu L được tiếp tục sống với anh T, nguyện vọng cháu T sống với chị C. Chị C cũng đồng ý. Do đó nên tiếp tục giao cháu T cho chị C và giao cháu L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của 02 cháu.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[7]. Về án phí: Buộc chị C phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ngọc Thị Băng C được ly hôn với anh Lê Thành T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Kim T, sinh ngày 16/8/2010 cho chị Nguyễn Ngọc Thị Băng C và giao cháu Lê Thành L, sinh ngày 30/3/2012 cho anh Lê Thành T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị C và anh T có quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

6. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Ngọc Thị Băng C nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Chị C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0002161 ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

7. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Long Hồ;
-CC THADS huyện Long Hồ;
-UBND xã Q-LH -VL
-Các đương sự trong vụ án;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Bằng